

Bản án số: 627/2025/DS-PT

Ngày: 26 – 9 – 2025

V/v tranh chấp thừa kế tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Toàn.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Hải.

Bà Võ Bích Hải.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Quốc Thanh - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa:
Bà Huỳnh Thị Mỹ Liên - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 120/2025/TLPT-DS ngày 19 tháng 5 năm 2025 về việc tranh chấp thừa kế tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 74/2024/DS-ST ngày 04 tháng 10 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng cũ bị kháng nghị.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 446/2025/QĐ-PT ngày 21 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Huỳnh H, sinh năm 1936; địa chỉ: Số 173, ấp P, xã T, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (nay là xã P, thành phố Cần Thơ), (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Lý Bình Đ, sinh năm 1977; địa chỉ: Số 348, đường N, Phường H, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (nay là phường P, thành phố Cần Thơ), (vắng mặt).

- Bị đơn: Bà Kim Thị D, sinh năm 1957 (đã chết năm 2023).

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Kim Thị D:

1. Bà Lâm Thị I, sinh năm 1993 (vắng mặt).

2. Ông Lâm Thanh S, sinh năm 1979 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp P, xã T, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (nay là xã T, thành phố Cần Thơ).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Thạch Thị T, địa chỉ: Ấp P, xã T, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (nay là xã T, thành phố Cần Thơ), (vắng mặt).

2. Ông Lâm Ngọc P, địa chỉ: Ấp P, xã T, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (nay là xã P, thành phố Cần Thơ), (vắng mặt).

3. Bà Lâm Thị L, địa chỉ: Ấp P, xã T, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (nay là xã T, thành phố Cần Thơ), (vắng mặt).

4. Bà Lâm Thị Ê, địa chỉ: Ấp P, xã T, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (nay là xã T, thành phố Cần Thơ), (vắng mặt).

5. Ông Đỗ Phước N, địa chỉ: Ấp P, xã T, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (nay là xã T, thành phố Cần Thơ), (vắng mặt).

6. Bà Đỗ Thị M, địa chỉ: Ấp P, xã T, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (nay là xã T, thành phố Cần Thơ), (vắng mặt).

7. Bà Đỗ Thị O, địa chỉ: Ấp P, xã T, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (nay là xã T, thành phố Cần Thơ), (vắng mặt).

- *Người kháng nghị:* Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng (nay là Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Cần Thơ).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

- *Theo Đơn khởi kiện ngày 03/7/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Lý Bình Đ trình bày:*

Cha ông H là cụ Huỳnh S, sinh năm 1912 (chết năm 1973) và mẹ là cụ Huỳnh Thị Ô, sinh năm 1914 (chết năm 1943). Lúc còn sống, cha mẹ ông H có tạo lập được tài sản là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 831, tờ bản đồ số 01, diện tích 1.100m² và một phần đất liền kề tọa lạc tại Ấp P, xã T, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Trong thời gian sống chung, cha mẹ ông có 03 người con chung gồm: Bà Huỳnh Z, sinh năm 1930; ông Huỳnh X, sinh năm 1940 và ông là Huỳnh H, sinh năm 1936.

Phần đất tại thửa đất số 831, tờ bản đồ số 01, diện tích 1.100m² và một phần đất liền kề, tọa lạc Ấp P, xã T, huyện C, tỉnh Sóc Trăng là của cha mẹ ông, hiện nay do cháu dâu ông là bà Kim Thị D (vợ ông Lâm Ngọc G chết năm 2004) đang quản lý, sử dụng.

Nay, ông Huỳnh H khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng giải quyết: Chia thừa kế phần đất có diện tích 1.600m², tọa lạc tại

Áp P, xã T, huyện C, tỉnh Sóc Trăng là di sản của cụ Huỳnh S và cụ Huỳnh Thị Ô chết để lại, chia theo pháp luật bằng hiện vật cho hàng thừa kế thứ nhất thành 3 phần bằng nhau, cụ thể:

+ Chia một phần đất có diện tích 553m² cho 4 người con của bà Huỳnh Z gồm: Bà Kim Thị D (vợ ông Lâm Ngọc G); ông Lâm Ngọc P; bà Lâm Thị L và bà Lâm Thị Ê. Cùng địa chỉ: Áp P, xã T, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

+ Chia một phần đất có diện tích 553m² cho một người con của ông Huỳnh X là bà Thạch Thị T. Địa chỉ: Áp P, xã T, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

+ Chia một phần đất có diện tích 553m² cho ông Huỳnh H. Địa chỉ: Số 173, ấp P, xã T, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

- Đối với những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn bà D (chết) và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, mặc dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ để xét xử lần 2, nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 74/2024/DS-ST ngày 04 tháng 10 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng cũ đã quyết định: Căn cứ khoản 5, 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, c khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 165, khoản 1 Điều 244, Điều 228; Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 164, 166, 623, 651 và 652 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 167, Điều 203 của Luật Đất đai năm 2013; điểm đ khoản 1 Điều 12; điểm a khoản 1, điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 42 của Pháp lệnh Chi phí giám định, định giá; chi phí cho người làm chứng, người phiên dịch trong tố tụng số 02/2012/UBTVQH13, ngày 28/3/2012 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh H, về việc yêu cầu chia thừa kế phần diện tích đất theo đo đạc thực tế: Phần 1, thửa đất số 831, diện tích 112,8m². Phần 2, thửa đất số 806, diện tích 248,2m². Phần 3, thửa đất số 806, diện tích 119,1m², cùng tọa lạc Áp P, xã T, huyện C, tỉnh Sóc Trăng là di sản do cụ Huỳnh S và cụ Huỳnh Thị Ô chết để lại, được chia thành 03 kỷ phần gồm: 1. Ông Huỳnh H, 2. Bà Phan Thị T, 3. Hai người con của bà Kim Thị D (chết) - (bà Lâm Thị I và ông Lâm Thanh S) cùng hưởng 01 kỷ phần. Cụ thể như sau:

1.1. Ông Huỳnh H, được hưởng kỷ phần (phần 3), có diện tích 119,1m².

1.2. Bà Lâm Thị I và ông Lâm Thanh S (là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn bà Kim Thị D đã chết), được hưởng kỷ phần (phần 1), có diện tích 112,8m².

1.3. Bà Thạch Thị T (con của ông Huỳnh X đã chết), được hưởng kỷ phần (phần 2), có diện tích 248,2m².

- Ông Huỳnh H phải có nghĩa vụ trả giá trị cho bà Lâm Thị I và ông Lâm Thanh S (là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn bà Kim Thị D đã chết) số tiền 7.490.667 đồng.

- Bà Thạch Thị T phải có nghĩa vụ trả giá trị cho bà Lâm Thị I và ông Lâm Thanh S (là người kế thừa, quyền nghĩa vụ tố tụng của bị đơn bà Kim Thị D đã chết) số tiền 68.016.667 đồng.

(Có sơ đồ kèm theo).

2. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ngoài ra, bản án dân sự án sơ thẩm còn tuyên về án phí sơ thẩm, chi phí tố tụng và thông báo quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

- Ngày 21/10/2024, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng cũ ban hành Quyết định kháng nghị số 02/QĐ-VKS-DS kháng nghị Bản án dân sự sơ thẩm số 74/2024/DS-ST ngày 04/10/2024 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng cũ, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử theo hướng áp dụng khoảng 3 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, để hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án về cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

- Tới thời điểm mở phiên tòa phúc thẩm, phía nguyên đơn không rút đơn khởi kiện và Kiểm sát viên không rút quyết định kháng nghị; các đương sự không có thỏa thuận nào liên quan đến việc giải quyết vụ án.

- Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về tính có căn cứ và hợp pháp của kháng cáo, về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm. Đồng thời, phát biểu quan điểm về nội dung kháng nghị, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng cũ (sau khi thay đổi).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận, ý kiến phát biểu và đề nghị của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Người kháng nghị, nội dung và hình thức đơn kháng nghị, thời hạn kháng nghị của Viện trưởng viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành là đúng theo quy định tại Điều 278, Điều 279 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) - viết tắt là Bộ luật TTDS, nên kháng nghị hợp lệ và đúng theo luật định.

[2] Tại phiên tòa, nguyên đơn ông Huỳnh H và người đại diện theo ủy quyền; người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn bà Kim Thị D là bà Lâm Thị I,

ông Lâm Thanh S; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lâm Ngọc P, bà Lâm Thị Z, bà Lâm Thị Ê và các con bà Lâm Thị L là (ông Đỗ Phước N, bà Đỗ Thị M và bà Đỗ Thị O) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vắng mặt không có lý do hoặc vì sự kiện bất khả kháng; việc vắng mặt của những người này cũng không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 296 của Bộ luật TTDS, tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[3] Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng cũ. Xét thấy, theo kháng nghị thì một số nội dung Tòa án cấp phúc thẩm đã khắc phục được như: Tiến hành lấy khai bà E vào ngày 13/8/2025. Còn ông F thì đã tiến hành lấy lời khai 02 lần, nhưng ông F không có ở nhà, nên không thể lấy lời khai được. Đồng thời, Tòa án cấp phúc thẩm đã đưa ông Đỗ Phước N, bà Đỗ Thị M, bà Đỗ Thị O vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại khoản 4 Điều 68 của Bộ luật TTDS. Sau khi đưa họ vào tham gia tố tụng thì họ không có ý kiến phản đối việc Tòa án cấp phúc thẩm đưa họ vào tham gia tố tụng và cũng không có ý kiến phản đối gì đối với kết quả giải quyết của Tòa án cấp sơ thẩm; nên HĐXX xác định đưa họ vào tham gia tố tụng từ giai đoạn phúc thẩm là phù hợp. Còn đối với thừa đất số 831 và 806 do bà D cùng các con quản lý, sử dụng, nhưng từ khi bà D chết thì do gia đình các con của bà D đang tiếp tục quản lý, sử dụng gồm: Gia đình bà Lâm Thị U và gia đình bà Lâm Thị I. Còn việc quyết định của bản án sơ thẩm tuyên chưa đúng họ của bà T thì Tòa án cấp phúc thẩm có thể khắc phục được. Tuy nhiên, hàng thừa kế của bà D ngoài bà Lâm Thị I, ông Lâm Thanh S thì còn có bà Lâm Thị J và bà Lâm Thị U chưa được Tòa án cấp sơ thẩm đưa vào tham gia tố tụng từ giai đoạn sơ thẩm. Đồng thời, Tòa án cấp sơ thẩm chưa đưa 02 người con của cụ Huỳnh Z (BL số 445) vào tham gia tố tụng gồm ông Lâm Ngọc K và bà Lâm Thị A. Ngoài ra, theo nguyên đơn xác định thừa đất số 831 và 806 có nguồn gốc là của cụ S (chết năm 1973) và cụ Ô (chết 1943), thì thời hiệu khởi kiện tính từ ngày Pháp lệnh thừa kế năm 1990 được công bố là ngày 30/8/1990 và được hướng dẫn tại Nghị quyết số 02/HĐTP ngày 19/10/1990 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì thời hiệu khởi kiện thừa kế được tính từ ngày 10/9/1990, nên thời hiệu khởi kiện thừa kế được tính đến hết ngày 11/9/2020, nhưng đến ngày 02/10/2020 Tòa án cấp sơ thẩm mới nhận được đơn khởi kiện của nguyên đơn (BL số 02) là đã quá 30 năm, nên thời hiệu khởi kiện chia thừa kế đã hết. Tòa án cấp sơ thẩm không đưa đầy đủ những người thừa kế vừa nêu trên vào tham gia tố tụng làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của các đương sự liên quan đến yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện và làm mất quyền kháng cáo của các đương sự. Nhưng nếu phải chia thừa kế thì thấy rằng, theo khoản 2 Điều 618 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định về quyền của người quản lý di sản, cụ thể là được hưởng thù lao theo thỏa thuận với những người thừa kế. Được thanh toán chi phí bảo quản di sản. Mức thù lao theo quy định tại khoản 3 Điều Điều 618 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét, giải quyết quyền lợi của bà D và sẽ được chuyển tiếp cho các con của bà D là chưa đúng quy định của pháp luật. Mặt khác, bà D chỉ là một trong những người thừa kế của cụ Huỳnh Z, nhưng Tòa án

cấp sơ thẩm chỉ chia thừa kế cho bà D mà không xem xét đến quyền lợi của những người thừa kế khác của cụ Z là chưa đúng quy định của pháp luật, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của họ.

[4] Từ những nhận định tại mục [3] nêu trên thấy rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, Tòa án cấp phúc thẩm không thể thực hiện bổ sung được, nên kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng cũ là có căn cứ chấp nhận. HĐXX căn cứ khoản 3 Điều 308 và Điều 310 của Bộ luật TTDS để hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng cũ (nay là Tòa án nhân dân khu vực 6 - Cần Thơ) và trả hồ sơ về cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án đúng theo quy định của pháp luật. Việc hủy bản án sơ thẩm là khách quan, vì các đương sự trong vụ án nhất là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn, cũng như những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phía bị đơn không hợp tác, không cung cấp thông tin có liên quan đến vụ án, nên Tòa án cấp sơ thẩm không thể thực hiện đầy đủ, dẫn đến có thiếu sót.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng sẽ được xem xét khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[6] Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ về việc đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng cũ là có căn cứ. HĐXX căn cứ vào khoản 3 Điều 308, Điều 310, khoản 6 Điều 313 của Bộ luật TTDS, hủy bản án dân sự sơ thẩm là có căn cứ, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310, khoản 6 Điều 313 và khoản 3 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025); căn cứ khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận Quyết định kháng nghị số 02/QĐ-VKS-DS ngày 21/10/2024 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng (nay là Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Cần Thơ).

2. Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 74/2024/DS-ST ngày 04 tháng 10 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng (nay là Tòa án nhân dân khu vực 6 – Cần Thơ) và chuyển hồ sơ về cho Tòa án nhân dân khu vực 6 – Cần Thơ giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm. Nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng sẽ được xác định lại khi giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

3. Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Cần Thơ;
- TAND khu vực 6 - Cần Thơ;
- THADS khu vực 6 - Cần Thơ;
- VKSND khu vực 6 – Cần Thơ;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Toàn